BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2016 - 2017

(Ban hành kèm theo quyết định: /QĐ-ĐHM, ngày tháng năm 2017)

MẪU 2

Đơn vị: Khoa

STT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
2013													
1	**HTTTQL**	1354050034	Lê Trường	Huy	010295	2013	ĐH	8.29	75	Khá	2,100,000	100%	2,100,000
2		1354050069	Phạm Bá Hải	Quang	260394	2013	ĐH	8.00	74	Khá	2,100,000	100%	2,100,000
3		1354050105	Trần Quang	Trí	240395	2013	ĐH	7.86	75	Khá	2,100,000	100%	2,100,000
4		1354050080	Lý Đan	Tâm	020195	2013	ĐH	7.57	75	Khá	2,100,000	100%	2,100,000
5		1354050010	Lê Tiến	Chiêu	061295	2013	ĐH	7.43	65	Khá	2,100,000	100%	2,100,000
6		1354050052	Võ Tiền Hưng	Lộc	150594	2013	ĐH	7.29	75	Khá	2,100,000	100%	2,100,000
7		1354050020	Thái Hoàng Tiến	Đạt	170195	2013	ĐH	7.14	70	Khá	2,100,000	100%	2,100,000
8		1354050049	Phan Thị Bích	Liễu	170195	2013	ĐH	7.14	74	Khá	2,100,000	100%	2,100,000
9		1354052205	Hoàng Đức	Vượng	210195	2013	ĐH	7.14	80	Khá	2,100,000	100%	2,100,000
2014													
1		1454050065	Huỳnh Thị Trúc	Linh	081096	2014	ĐH	8.33	75	Khá	2,550,000	100%	2,550,000
2		1454050034	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	020196	2014	ĐH	8.00	80	Giỏi	2,550,000	110%	2,805,000
3		1454050131	Dương Thị Huỳnh	Thi	240496	2014	ĐH	8.00	80	Giỏi	2,550,000	110%	2,805,000

STT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
4	HTTTQL	1454050108	Phạm Vũ Hoài	Phương	260794	2014	ĐH	7.67	80	Khá	2,550,000	100%	2,550,000
5		1454052193	Nguyễn Đặng Trúc	Linh	101095	2014	ĐH	7.67	85	Khá	2,550,000	100%	2,550,000
6		1454052204	Nguyễn Lê Phương	Thảo	260796	2014	ĐH	7.67	90	Khá	2,550,000	100%	2,550,000
7		1454050046	Bùi Quang	Hùng	261096	2014	ĐH	7.33	95	Khá	2,550,000	100%	2,550,000
8		1454050064	Dương Gia	Linh	100696	2014	ĐH	7.33	75	Khá	2,550,000	100%	2,550,000
9		1454052194	Ngô Thắng	Lợi	180396	2014	ĐH	7.33	85	Khá	2,550,000	100%	2,550,000
10		1454050113	Trần Nhật	Quang	161096	2014	ĐH	7.00	65	Khá	2,550,000	100%	2,550,000
2015													
1	KHMT	1551010131	Phạm Thủy	Tiên	051097	2015	ĐH	9.00	80	Giỏi	7,750,000	70%	5,425,000
2		1551010028	Phan Văn Hoài	Đức	100297	2015	ĐH	8.89	80	Giỏi	7,750,000	70%	5,425,000
3		1551010108	Nguyễn Mộng Hoàng	Quân	151197	2015	ĐH	8.39	80	Giỏi	7,750,000	70%	5,425,000
4		1551010009	Lê Hoàng Quốc	Bảo	220397	2015	ĐH	8.00	70	Khá	7,750,000	50%	3,875,000
5		1551010090	Dương Văn	Nhất	101297	2015	ĐH	8.00	66	Khá	7,750,000	50%	3,875,000
6		1551010033	Từ Minh	Hậu	170697	2015	ĐH	7.89	80	Khá	7,750,000	50%	3,875,000
7		1551010096	Nguyễn Trần Tấn	Phát	160997	2015	ĐH	7.72	70	Khá	7,750,000	50%	3,875,000
8		1551010046	Tạ Minh Nhật	Hưng	110597	2015	ĐH	7.44	80	Khá	7,750,000	50%	3,875,000
9		1551010066	Trần Ngọc	Luân	090697	2015	ĐH	7.11	95	Khá	7,750,000	50%	3,875,000
10		1551010099	Đinh Văn	Phú	181296	2015	ĐH	7.11	70	Khá	7,750,000	50%	3,875,000
1		1554050042	Nguyễn Hiếu	Huỳnh	250797	2015	ĐH	8.67	75	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
2		1554050032	Trịnh Ngọc	Hiệp	130797	2015	ĐH	8.53	80	Giỏi	6,160,000	70%	4,312,000

STT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
3		1554050036	Ngô Thị Thanh	Huệ	240897	2015	ĐH	8.53	85	Giỏi	6,160,000	70%	4,312,000
4		1554050030	Nguyễn Thị Xuân	Hiền	121097	2015	ĐH	8.27	66	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
5		1554050040	Trần Thị Mỹ	Huyền	240897	2015	ĐH	8.13	71	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
6		1554050044	Nguyễn Thị Ái	Hương	301197	2015	ĐH	8.13	76	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
7		1551010068	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	080797	2015	ĐH	7.93	80	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
8		1554050002	Lê Ái Thiên	An	020697	2015	ĐH	7.80	80	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
9		1554050053	Nguyễn Hoàng Bảo	Linh	171196	2015	ĐH	7.80	77	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
10		1554050116	Trương Thị Phương	Yến	120497	2015	ĐH	7.53	75	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
11		1554050097	Lê Quốc	Tịnh	100697	2015	ĐH	7.47	82	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
12		1554050105	Hoàng Bảo	Trân	040897	2015	ĐH	7.47	80	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
13	**HTTTQL**	1554050018	Phan Hoàng Phương	Dung	051297	2015	ĐH	7.40	80	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
14		1554050051	Hứa Ngọc	Lài	050796	2015	ĐH	7.40	81	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
15		1554050064	Chế Nguyễn Quỳnh	Như	190897	2015	ĐH	7.33	75	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
16		1551010116	Phan Đức	Tài	011197	2015	ĐH	7.27	75	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
17		1554050005	Võ Đào Lan	Anh	130295	2015	ĐH	7.27	75	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
18		1554050017	Mai Thị Phương	Dung	300497	2015	ĐH	7.20	80	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
19		1554050035	Đinh Thị Ánh	Hồng	230197	2015	ĐH	7.20	65	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
20		1554050095	Nguyễn Huỳnh	Thư	100697	2015	ĐH	7.20	76	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
21		1554050034	Nguyễn Đăng	Hoàng	301197	2015	ĐH	7.13	75	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
22		1554050007	Nguyễn Thị	Ánh	120897	2015	ĐH	7.07	85	Khá	6,160,000	50%	3,080,000

STT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
23		1554050108	Trần Nguyễn Hoàng	Trúc	160197	2015	ĐH	7.07	70	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
24		1554040224	Trần Thị Ngọc	Trâm	021297	2015	ĐH	7.00	75	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
25		1554050008	Đoàn Trần Thái	Bảo	210197	2015	ĐH	7.00	70	Khá	6,160,000	50%	3,080,000
2016													
1	**KHMT**	1651012105	Lê Quang Đại	Lộc	050698	2016	ĐH	3.23	70	Khá	6,040,000	50%	3,020,000
2		1651010060	Trịnh Quan	Hiếu	180898	2016	ĐH	3.15	80	Khá	6,040,000	50%	3,020,000
3		1651010172	Nguyễn Thị Phương	Vy	180598	2016	ĐH	2.92	70	Khá	6,040,000	50%	3,020,000
4		1651010082	Nguyễn Nhật Đăng	Khoa	100698	2016	ĐH	2.85	80	Khá	6,040,000	50%	3,020,000
5		1651010030	Nguyễn Kim	Duy	270298	2016	ĐH	2.81	85	Khá	6,040,000	50%	3,020,000
6		1651010028	Đinh Trường	Duy	210998	2016	ĐH	2.69	80	Khá	6,040,000	50%	3,020,000
7		1651010163	Phạm Minh	Viễn	210896	2016	ĐH	2.62	80	Khá	6,040,000	50%	3,020,000
8		1651012093	Lữ Hoàng	Liêm	080998	2016	ĐH	2.62	75	Khá	6,040,000	50%	3,020,000
9		1651010031	Phạm Lữ Anh	Duy	051298	2016	ĐH	2.54	85	Khá	6,040,000	50%	3,020,000
1		1654050128	Nguyễn Dương Kim	Vỹ	160798	2016	ĐH	4.00	85	Không xác đ	5,460,000	50%	2,730,000
2		1654050040	Trần Minh	Hoan	040698	2017	ĐH	3.71	80	Giỏi	5,460,000	70%	3,822,000
3		1654052151	Phù Khải	Vỹ	180198	2018	ĐH	3.50	90	Giỏi	5,460,000	70%	3,822,000
4		1654050043	Huỳnh Trần Quang	Huy	260698	2019	ĐH	3.42	65	Khá	5,460,000	50%	2,730,000
5		1654050020	Bành Thị Mỹ	Duyên	181198	2020	ĐH	3.33	95	Giỏi	5,460,000	70%	3,822,000
6		1654050034	Nguyễn Đình Minh	Hiếu	040998	2021	ĐH	3.21	80	Giỏi	5,460,000	70%	3,822,000
7		1654050109	Nguyễn Ngọc	Thương	100298	2022	ĐH	3.21	65	Khá	5,460,000	50%	2,730,000

STT	Khoá/Ngành	Mã SV	Họ lót	Tên	Ngày sinh	Khóa học	Bậc ĐT	Điểm TB	Điểm RL	Xếp loại HB KKHT	Tổng HP	Tỉ lệ %	Số tiền HB KKHT
8	HTTTQL	1654050041	Phạm Nhật	Hòa	301298	2023	ĐH	3.17	70	Khá	5,460,000	50%	2,730,000
9		1654052122	Đỗ Thị	Trang	171298	2024	ĐH	3.17	65	Khá	5,460,000	50%	2,730,000
10		1654050052	Nguyễn Thị Yến	Khương	010198	2025	ĐH	3.13	65	Khá	5,460,000	50%	2,730,000
11		1654050032	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	040297	2026	ĐH	3.08	70	Khá	5,460,000	50%	2,730,000
12		1654050074	Lương Trần Kim	Ngọc	220598	2027	ĐH	3.08	65	Khá	5,460,000	50%	2,730,000
13		1654052006	Vương Ngọc Minh	Anh	300598	2028	ĐH	3.00	75	Khá	5,460,000	50%	2,730,000
14		1654050054	Bùi Hữu	Lâm	141098	2029	ĐH	2.75	80	Khá	5,460,000	50%	2,730,000
15		1654050096	Nguyễn Văn	Tân	250798	2030	ĐH	2.75	70	Khá	5,460,000	50%	2,730,000
16		1654050007	Trần Diệu Xuân	Ân	210198	2031	ĐH	2.58	80	Khá	5,460,000	50%	2,730,000
17		1654052080	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	010598	2032	ĐH	2.50	70	Khá	5,460,000	50%	2,730,000

Tổng cộng **245,732,000**

Xuất sắc: Sinh viên
Giỏi: Sinh viên
Khá: Sinh viên

Tổng cộng: Sinh viên
Tổng số tiền HBKKHT: đồng
Bằng chữ: đồng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG CTSV

LÃNH ĐẠO KHOA

Nguyễn Thành Nhân

Nguyễn Ngọc Anh